

❌ NGHỊ QUYẾT số 31/2025/NQ-HĐND — ĐÃ HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ

Cơ quan ban hành: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội · **Ngày ban hành:** 29/09/2025 · **Hiệu lực từ:** 09/10/2025 · **Trạng thái theo Cơ sở dữ liệu quốc gia:** HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ · **Người ký:** Chủ tịch Nguyễn Ngọc Tuấn

⚠️ HAI LÝ DO GIỮ VẪN BẢN NÀY TRONG HỒ SƠ ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

1. Nó ĐÃ HẾT HIỆU LỰC. Nghị quyết căn cứ **Luật Thủ đô 39/2024/QH15** — luật này đã được thay bằng **Luật Thủ đô 02/2026/QH16** ký ngày 15/5/2026.

Không dùng làm căn cứ pháp lý cho hồ sơ hiện tại.

2. Nhưng nó GHI RÕ RANH GIỚI mà ta cần biết: khoản 2 Điều 1 loại trừ thẳng "dự án đường sắt đô thị, dự án đường sắt đô thị theo mô hình TOD" khỏi phạm vi điều chỉnh. Nghĩa là ngay cả khi Nghị quyết này còn hiệu lực, **dự án metro Hà Nội KHÔNG chạy theo trình tự chủ trương đầu tư của nó** — mà theo Nghị quyết 188/2025/QH15 và pháp luật chuyên ngành. Đây là điểm rất dễ áp nhảm khi kiểm toán.

Đây là BẢN TÓM LƯỢC, KHÔNG phải toàn văn. Chỉ trích nguyên văn phần Điều 1 – Điều 4 (phạm vi, đối tượng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc) và các mốc thời gian thẩm định. Toàn văn 23 Điều xem tại Cổng Pháp luật quốc gia, mã văn bản 182801.

Nguồn: Cổng Pháp luật quốc gia (phapluat.gov.vn). Không phải bản PDF có chữ ký số.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2025/NQ-HĐND	Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với các dự án quy định tại Điều 37 của Luật Thủ đô

(Thực hiện khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (sửa đổi bởi Luật số 87/2025/QH15); **khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15**; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các luật sửa đổi; Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (sửa đổi bởi Luật số 90/2025/QH15); Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các luật sửa đổi; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 và các luật sửa đổi; **Luật Đường sắt số 95/2025/QH15**;

Xét Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 18/9/2025; Báo cáo thẩm tra số 131/BC-BKTNS ngày 18/9/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo số 373/BC-UBND ngày 26/9/2025; ý kiến thảo luận và biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Chương I — QUY ĐỊNH CHUNG (*trích nguyên văn*)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án trên địa bàn Thành phố sau đây:

a) Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố:

- Dự án đầu tư công, dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố theo pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Dự án đầu tư công, dự án PPP **không sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương** thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố theo điểm a khoản 6 Điều 102 Luật số 58/2024/QH15;

- Dự án đầu tư công, dự án PPP **có sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài** thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ — **trong trường hợp được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao;**

- Dự án đầu tư công, dự án PPP đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và **giao Ủy ban nhân dân Thành phố làm cơ quan chủ quản** thực hiện dự án, trong trường hợp không làm tăng nguồn vốn từ ngân sách trung ương, vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;

- Dự án PPP theo quy định **không phải** thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư nhưng cần thực hiện thủ tục này làm căn cứ chuyển mục đích sử dụng **đất lúa, đất rừng** và các thủ tục khác.

b) Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.

c) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: dự án đầu tư công, dự án PPP quy định tại điểm a đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản 6 Điều 37 Luật số 39/2024/QH15 **KHÔNG** thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm:

a) DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ, DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ THEO MÔ HÌNH TOD;

b) Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố theo pháp luật đầu tư, pháp luật công nghệ cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với các dự án theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. **Luật PPP** là Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.
2. **Đơn vị chủ trì thẩm định** là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. **Ban quản lý** là Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan.
3. Các thành viên Hội đồng thẩm định và cơ quan nhà nước có liên quan:
 - a) Có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình trong thời hạn yêu cầu;
 - b) **Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp không có văn bản tham gia ý kiến thẩm định hoặc gửi quá thời hạn;**
 - c) Cá nhân, đơn vị tham gia thẩm định **chỉ chịu trách nhiệm đối với kết quả thẩm định các nội dung đề nghị điều chỉnh**, không chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thẩm định, quyết định trước đó.
4. Bản điện tử của hồ sơ nộp kèm hồ sơ bản giấy phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Các mốc thời gian trong Nghị quyết (tóm tắt, dùng để đối chiếu khi cần)

Nội dung	Thời hạn
Sở Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định (đầu tư công)	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi — dự án quan trọng quốc gia	không quá 30 ngày
Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi — dự án khác	không quá 20 ngày
Thẩm định BCNCKT / báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP — thẩm quyền Quốc hội	không quá 20 ngày
Thẩm định BCNCKT / báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP — dự án khác	không quá 10 ngày
Thông báo thẩm định khi hồ sơ chưa đạt	05 ngày làm việc
Đánh giá lại sau khi hoàn thiện hồ sơ	07 ngày làm việc
UBND Thành phố xem xét, trình HĐND	05 ngày làm việc
Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi — dự án quan trọng quốc gia	không quá 30 ngày
Thẩm định BCNCKT — nhóm A có cấu phần xây dựng	không quá 25 ngày
Thẩm định BCNCKT — nhóm A không có cấu phần xây dựng	không quá 20 ngày
Thẩm định BCNCKT dự án PPP — quan trọng quốc gia / dự án khác	20 ngày / 10 ngày
Chủ tịch UBND Thành phố quyết định đầu tư	không quá 03 ngày làm việc
Khu công nghệ cao: Ban Quản lý gửi lấy ý kiến	02 ngày làm việc
Khu công nghệ cao: cơ quan được lấy ý kiến trả lời	07 ngày
Khu công nghệ cao: Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định	17 ngày
Khu công nghệ cao: thông báo kết quả cho nhà đầu tư	20 ngày
Khu công nghệ cao: UBND Thành phố chấp thuận chủ trương	02 ngày làm việc

Điều 22. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 09/10/2025 — nay đã hết hiệu lực toàn bộ.

CHỦ TỊCH (đã ký) — Nguyễn Ngọc Tuấn